

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 21/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống và tính tình bất đồng nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 25/12/2018; Nguyễn Diệu L sinh ngày 13/7/2023. Hiện nay hai con đang ở cùng anh N. Khi ly hôn tôi đồng ý anh N nuôi hai con và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Tôi và chị Chu Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 21/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H tự bỏ nhà đi về nhà ngoại và hiện nay đang ở đâu tôi không biết. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm không còn. Chị H xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 25/12/2018; Nguyễn Diệu L sinh ngày 13/7/2023. Hiện nay hai con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi bán hàng thu nhập một tháng 7.000.000 đồng đủ để nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Chu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 25/12/2018 và cháu Nguyễn Diệu L sinh ngày 13/7/2023 cho anh Nguyễn Văn N nuôi dưỡng. Chị Chu Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Chị Chu Thị H phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 21 tháng 6 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống và tính tình vợ chồng bất đồng nên dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Còn anh N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H tự bỏ nhà đi về nhà ngoại và hiện nay đang ở đâu anh không biết. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh N hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 25/12/2018; Nguyễn Diệu L sinh ngày 13/7/2023. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh N. Khi ly hôn chị H đồng ý anh N nuôi hai con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh N nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Do vậy cần giao cháu O và cháu L cho anh N nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị H; anh N về việc nuôi con chung không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Chị Chu Thị H phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thị Kim O sinh ngày 25/12/2018; Nguyễn Diệu L sinh ngày 13/7/2023.

Xử giao cháu Nguyễn Thị Kim O và cháu Nguyễn Diệu L cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Chu Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 150.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0002277 ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị Chu Thị H được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- THADS tỉnh Lào Cai
- Các đương sự (2)
- UBND xã M
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

